TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Thọ

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1987

Cư trú tại: Khu 01, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Anh Lê Thế H, sinh năm 1980

Cư trú tại: Thôn 06, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại I, Trại giam N

Địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Chị T có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lê Thế H kết hôn với nhau vào ngày 13/12/2007 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không những thế anh H còn nghiện ma túy và nhiễm HIV. Năm 2015 anh H bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 16 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, đóng tại xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng đã sống

ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Bị đơn là anh Lê Thế H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thu thập tài liệu, chứng cứ. Tại bản tự khai ngày 27/11/2019, anh Lê Thế H xác nhận về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Từ khi anh đi chấp hành án đến nay, chị T không quan tâm, thăm hỏi anh. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Chị T và anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 25/11/2009. Hiện cháu T đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T xin được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đồng ý để cho chị T nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thế H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 25/11/2009 cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng . Anh Lê Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh H không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị T cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn là anh Lê Thế H có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ anh H đã có đơn đề nghị Tòa án tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Thế H kết hôn với nhau vào năm 2007, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặt khác do anh H nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình. Đến năm 2015 anh H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hiện đang phải chấp hành án hình phạt 16 năm tù tại Trại giam N - Bộ công an.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc T, sinh ngày 25/11/2009, hiện đang ở cùng chị T. Anh H hiện đang chấp hành án phạt tù, còn chị T có thu nhập và chỗ ở ổn định, nguyện vọng của cháu T cũng xin được ở với mẹ. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cháu T cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nơ chung: Chị T và anh H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thế H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc T, sinh ngày 25/11/2009. Anh Lê Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2017/0003293 ngày 14/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cụcThi hành án;
- UBND xã Hà Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Vũ Thường